

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2022

V/v: Ly hôn giữa chị T và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Bà Nguyễn Hải Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn H quen biết và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15-12-2010.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh H thường xuyên

bài bạc, ăn chơi, không chăm lo làm ăn, quan tâm chăm sóc vợ con, còn vay nợ tiêu xài riêng. Chị T đã nhiều lần bỏ qua lỗi lầm của anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy, không sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị T và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Hiện nay chị T đã mất lòng tin đối với anh H và không còn tình cảm với anh H nữa, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 12-10-2011 và Trần Tường V, sinh ngày 03-7-2017, hiện nay đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Văn H trình bày tại Tòa án:*

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Còn về nguyên nhân mâu thuẫn anh cũng đồng ý là trong thời gian chung sống anh không lo làm ăn, không đưa tiền về để nuôi con nhưng không ăn chơi, không bài bạc, cũng không vay nợ tiêu xài riêng. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con, anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh hứa sẽ khắc phục sửa chữa những lỗi lầm đã gây ra.

Về con chung: Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn anh không đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng mà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Văn H vắng mặt.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T đối với bị đơn anh Trần Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 12-3-2021 chị Nguyễn Kim T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn H. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Trần Văn H không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn H chung sống với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15-12-2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim T*: Vợ chồng chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn H không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị T và anh H tại Tòa án: Chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh H thường xuyên bài bạc, ăn chơi, không chăm lo làm ăn, quan tâm chăm sóc vợ con, còn vay nợ tiêu xài riêng. Chị T đã nhiều lần bỏ qua lỗi lầm của anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H vẫn không sửa đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặt khác, theo trình bày của chị T thì hiện nay chị đã mất lòng tin và không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị T và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay mà tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh H có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 12-10-2011 và Trần Tường V, sinh ngày 03-7-2017, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế nuôi con được. Anh H cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ thời gian chị T và anh H sống ly thân cho đến nay, cháu B và cháu V vẫn do một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, anh H không đến thăm nom, chăm sóc con. Bên cạnh đó, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi

cháu B và cháu V. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 12-10-2011 và cháu Trần Tường V, sinh ngày 03-7-2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim T phải nộp 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001590 ngày 16-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân